

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v chính sách thuế GTGT
và thuế TNDN.

Bình Định, ngày tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Kinh tế & Kế toán.

Cục Thuế tỉnh Bình Định nhận được công văn số 01/CV-TTĐTTVKT&KT ngày 19/7/2023 của Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Kinh tế & Kế toán hỏi về thuế GTGT và thuế TNDN đối với 12 Hợp đồng. (gọi Trung tâm)

Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

1- Về đối tượng không chịu thuế và kê khai thuế GTGT, TNDN:

- Tại khoản 21 Điều 4 và khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về đối tượng không chịu thuế và phương pháp tính thuế GTGT (Thông tư 219):

“Điều 4. Đối tượng không chịu thuế GTGT

21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị.

Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.”

“Điều 13. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

2. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau:

a) Đối tượng áp dụng:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này;

- Hộ, cá nhân kinh doanh;

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, trừ các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí.

- Tổ chức kinh tế khác không phải là doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

b) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được quy định theo từng hoạt động như sau: ...

- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;

- Tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp (Thông tư 78):

“5. Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể như sau:

+ Đối với dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay): 5%.

Riêng hoạt động giáo dục, y tế, biểu diễn nghệ thuật: 2%

+ Đối với kinh doanh hàng hóa: 1%.

+ Đối với hoạt động khác: 2%.”

- Tại Điều 3 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Thông tư 78 về thu nhập được miễn thuế:

“3. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ được miễn thuế trong thời gian thực hiện hợp đồng nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày bắt đầu có doanh thu từ thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công

nghe được miễn thuế tối đa không quá 05 năm kể từ ngày có doanh thu từ bán sản phẩm;

Thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật.

a) Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được miễn thuế phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có chứng nhận đăng ký hoạt động nghiên cứu khoa học;

- Được cơ quan quản lý Nhà nước về khoa học có thẩm quyền xác nhận là hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

b) Thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên được áp dụng tại Việt Nam được miễn thuế phải đảm bảo công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam được cơ quan quản lý Nhà nước về khoa học có thẩm quyền xác nhận”.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Trung tâm thuộc diện là đơn vị sự nghiệp hoạt động chính là dịch vụ giáo dục. Trung tâm đang áp dụng nộp thuế TNDN theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu với tỷ lệ 2% doanh thu đối với hoạt động giáo dục. Ngoài chức năng đào tạo, trường hợp Trung tâm có chức năng tư vấn theo 12 hợp đồng dự kiến ký kết (chi tiết nội dung công việc dự kiến thực hiện của 12 Hợp đồng có kèm theo công văn) thì việc tính thuế đối với 12 Hợp đồng này như sau:

- Đối với Hợp đồng 7 “Khảo sát thực tế và xây dựng hệ thống các trang thông tin TMĐT: website, youtube, fanpage”, Hợp đồng 8 “Áp dụng các giải pháp công nghệ số để truy xuất nguồn gốc xuất xứ cho sản phẩm và tham gia các sàn thương mại điện tử” và Hợp đồng 9 “Xây dựng chương trình tối ưu hóa hoạt động quản lý nội bộ thông qua các công cụ E-Business (Phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý khách hàng (CRM)) và đánh giá hiệu quả mô hình)” của Trung tâm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT; nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 5% trên doanh thu theo khoản 5 Điều 3 Thông tư 78 mà không được miễn thuế TNDN (do không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư 151/2014/TT-BTC nêu trên).

- Đối với 09 Hợp đồng còn lại của Trung tâm thuộc đối tượng chịu thuế GTGT nên áp dụng tỷ lệ 5% trên doanh thu để tính thuế GTGT theo điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư 219; nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 5% trên doanh thu theo khoản 5 Điều 3 Thông tư 78.

2- Về giảm thuế theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP:

- Tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội:

“Điều 1. Giảm thuế giá trị gia tăng

1. Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất.

Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng. ...

2. Mức giảm thuế giá trị gia tăng

a) Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều này.”

- Tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về thuế suất thuế GTGT:

“Điều 11. Thuế suất 10%

Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.

Các mức thuế suất thuế GTGT nêu tại Điều 10, Điều 11 được áp dụng thống nhất cho từng loại hàng hóa, dịch vụ ở các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại...”

Đối với Hợp đồng 7, Hợp đồng 8 và Hợp đồng 9 thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nên không thuộc diện giảm thuế GTGT theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP.

Đối với 09 Hợp đồng còn lại, được xác định không phải là dịch vụ khoa học và công nghệ, nên thuộc diện áp dụng tính thuế suất thuế GTGT là 10%. Do đó, dịch vụ theo Hợp đồng này thuộc diện được giảm thuế GTGT theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 44/2023, cụ thể được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT khi dịch vụ hoàn thành và xuất hóa đơn từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

Cục Thuế tỉnh Bình Định trả lời Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Kinh tế & Kế toán biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Phòng NVDTPC, TTKT3, KTNB;
- Website Cục Thuế Bình Định;
- Lưu: VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Sơn